

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước  
trên địa bàn xã Hải Hậu năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HẢI HẬU**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1354/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh dự toán ngân sách Trung ương các Bộ, cơ quan Trung ương sau sắp xếp và bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1390/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1391/QĐ-TTg ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; dự toán thu, chi ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quyết định phân bổ dự toán ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2025 sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 339/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hải Hậu năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế tại Tờ trình số 12/TTr-KT ngày 20 tháng 8 năm 2025 về việc quyết định dự toán thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn xã Hải Hậu năm 2025.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 cho các cơ quan, đơn vị, các cơ sở giáo dục thuộc UBND xã Hải Hậu (có các biểu chi tiết đính kèm).

Đồng thời thu hồi kinh phí tạm cấp kinh phí chi thường xuyên năm 2025 cho các đơn vị dự toán thuộc UBND xã Hải Hậu tại Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 29/07/2025 của UBND xã.

**Điều 2.** Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 do UBND xã giao Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục thuộc UBND xã tổ chức thực hiện dự toán được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước; bảo đảm chi ngân sách nhà nước được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; chống thất thoát, lãng phí, thực hiện nghiêm kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước.

**Điều 3.** Giao phòng Kinh tế phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và quy định hiện hành.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng HĐND&UBND xã, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục thuộc UBND xã và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Tài chính;
- Thường trực Đảng ủy;
- Thường trực HĐND, UBND;
- Như Điều 4;
- Lãnh đạo UBND;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



**Vũ Văn Kỳ**



## PHỤ LỤC

### ĐU TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Đơn vị: đồng

STT	Tên đơn vị	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Trường Mầm non Hải Bắc	4.239.683.000	
2	Trường Mầm non Hải Long	5.877.805.000	
3	Trường Mầm non Hải Phương	5.740.063.000	
4	Trường Mầm non Hải Trung	6.504.862.000	
5	Trường Mầm non Yên Định	5.715.132.000	
6	Trường Tiểu học Hải Bắc	6.281.219.000	
7	Trường Tiểu học Hải Long	6.800.420.000	
8	Trường Tiểu học Hải Phương	6.439.104.000	
9	Trường Tiểu học Hải Trung	11.662.364.000	
10	Trường Tiểu học Yên Định	8.122.458.000	
11	Trường THCS Hải Bắc	5.433.455.000	
12	Trường THCS Hải Long	5.862.237.000	
13	Trường THCS Hải Phương	7.255.493.000	
14	Trường THCS Hải Trung	9.234.904.000	
15	Trường THCS Yên Định	4.808.427.000	
16	Trường THCS Hải Hậu	7.662.374.000	
17	Ủy ban MTTQ Việt Nam xã Hải Hậu	3.550.181.000	
18	Văn phòng Đảng ủy xã Hải Hậu	5.003.174.000	
19	Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Hải Hậu	34.366.378.056	
20	Phòng Kinh tế xã Hải Hậu	1.765.452.000	
21	Phòng Văn hoá - xã hội xã Hải Hậu	6.233.932.944	
22	Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Hải Hậu	778.882.000	
23	Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao xã Hải Hậu	5.058.000.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>164.396.000.000</b>	

**PHỤ LỤC**  
**GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trường Mầm non Hải Bắc**  
(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)



Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1129462

**Chương: 822**

**Khoản 071**

Đvt: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>232.470.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>232.470.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>232.470.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	92.988.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	139.482.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>4.239.683.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>42.255.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	25.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	1.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	3.795.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>4.011.230.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	3.787.030.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	178.200.000
- Chi nâng lương cho viên chức	20.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	16.000.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	10.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>186.198.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ đẻ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (***tăng cấp thêm, giảm thì thu lại***):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác

**PHỤ LỤC**  
**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**



**ĐƠN VỊ: Trường Mầm non Hải Long**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1129451

**Chương: 822**

**Khoản 071**

Đvt: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>273.780.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>273.780.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>273.780.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	109.512.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	164.268.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>5.877.805.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>143.245.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	25.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THPT	1.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	4.785.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	50.000.000
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia	50.000.000
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>5.457.523.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	5.208.123.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	189.000.000
- Chi nâng lương cho viên chức	28.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	22.400.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	10.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>277.037.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác

**PHỤ LỤC**  
**GIÁO DỤC TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trường Mầm non Hải Phương**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1129442

**Chương: 822**

**Khoản 071**

Đvt: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>282.690.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>282.690.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>282.690.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	113.076.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	169.614.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>5.740.063.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>93.080.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	25.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	1.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	4.620.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	50.000.000
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>5.379.128.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	5.126.128.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	189.000.000
- Chi nâng lương cho viên chức	30.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	24.000.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	10.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>267.855.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



## PHỤ LỤC

### GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

**ĐƠN VỊ: Trường Mầm non Hải Trung**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1129434

**Chương: 822**

**Khoản 071**

Đvt: đồng

<b>NỘI DUNG</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>394.470.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>394.470.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>394.470.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	157.788.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	236.682.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>6.504.862.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>94.235.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	25.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	1.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	5.775.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	50.000.000
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>6.101.662.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	5.832.462.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	199.800.000
- Chi nâng lương cho viên chức	33.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	26.400.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	10.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>308.965.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



**PHỤ LỤC**

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trường Mầm non Yên Định**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1129430

**Chương: 822**

**Khoản 071**

Đvt: đồng

<b>NỘI DUNG</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>327.240.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>327.240.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>327.240.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	130.896.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	196.344.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>5.715.132.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>93.245.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	25.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THPT	1.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	4.785.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	50.000.000
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>5.352.010.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	5.104.410.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	189.000.000
- Chi nâng lương cho viên chức	27.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	21.600.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	10.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>269.877.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ đẻ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



## PHỤ LỤC

### GIÁO DỤC TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

**ĐƠN VỊ: Trường Tiểu học Hải Bắc**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1107985

**Chương: 822**

**Khoản 072**

Đvt: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	-
<b>1. Số thu học phí</b>	-
<b>2. Số chi học phí</b>	-
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	-
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	-
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>6.281.219.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>110.850.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	35.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	1.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	4.455.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	7.935.000
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia Xanh - Sạch - Đẹp	50.000.000
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>5.867.863.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	5.594.063.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	202.200.000
- Chi nâng lương cho viên chức	27.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	21.600.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	23.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>302.506.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (***tăng cấp thêm, giảm thì thu lại***):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



## PHỤ LỤC

### GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

**ĐƠN VỊ:** Trường Tiểu học Hải Long

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1107993

**Chương: 822**

**Khoản 072**

Đvt: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	-
<b>1. Số thu học phí</b>	-
<b>2. Số chi học phí</b>	-
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	-
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	-
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>6.800.420.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>112.635.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	35.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	1.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	4.950.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	9.225.000
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	50.000.000
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia Xanh - Sạch - Đẹp	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>6.375.087.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	6.095.887.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	205.800.000
- Chi nâng lương cho viên chức	28.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	22.400.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	23.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>312.698.000</b>

## Ghi chú:

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



## PHỤ LỤC

### GIÁO DỤC TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

ĐƠN VỊ: Trường Tiểu học Hải Phương

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1102678

Chương: 822

Khoản 072

Đvt: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	-
<b>1. Số thu học phí</b>	-
<b>2. Số chi học phí</b>	-
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	-
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	-
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>6.439.104.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>214.300.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	35.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	1.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	5.115.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	10.725.000
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	150.000.000
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia Xanh - Sạch - Đẹp	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>5.918.227.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	5.628.227.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	211.200.000
- Chi nâng lương cho viên chức	31.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	24.800.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	23.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>306.577.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



## PHỤ LỤC

### GIÁO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

**ĐƠN VỊ: Trường Tiểu học Hải Trung**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1102681

**Chương: 822**

**Khoản 072**

Đvt: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	-
<b>1. Số thu học phí</b>	-
<b>2. Số chi học phí</b>	-
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	-
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	-
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>11.662.364.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>71.695.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	35.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	1.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	7.590.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	15.645.000
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia Xanh - Sạch - Đẹp	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>11.044.344.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	10.702.144.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	240.000.000
- Chi nâng lương cho viên chức	44.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	35.200.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	23.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>546.325.000</b>

## Ghi chú:

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (*tăng cấp thêm, giảm thì thu lại*):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



**PHỤ LỤC**

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trường Tiểu học Yên Định**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1108009

**Chương: 822**

**Khoản 072**

Đvt: đồng

<b>NỘI DUNG</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	-
<b>1. Số thu học phí</b>	-
<b>2. Số chi học phí</b>	-
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	-
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	-
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>8.122.458.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>165.245.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	35.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	1.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	5.445.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	11.340.000
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	100.000.000
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia Xanh - Sạch - Đẹp	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>7.569.681.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	7.272.481.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	214.800.000
- Chi nâng lương cho viên chức	33.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	26.400.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	23.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>387.532.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



**PHỤ LỤC**

**GIAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trường Trung học cơ sở Hải Bắc**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1004452

**Chương: 822**

**Khoản 073**

Đvt: đồng

<b>NỘI DUNG</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>212.310.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>212.310.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>212.310.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	84.924.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	127.386.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>5.433.455.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>113.925.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	45.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	3.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	3.465.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia Xanh - Sạch - Đẹp	50.000.000
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>5.056.757.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	4.796.357.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	186.400.000
- Chi nâng lương cho viên chức	20.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	16.000.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	38.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>262.773.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác

**PHỤ LỤC**  
**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trường Trung học cơ sở Hải Long**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1001434

**Chương: 822**

**Khoản 073**

Đvt: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>286.020.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>286.020.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>286.020.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	114.408.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	171.612.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>5.862.237.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>77.050.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	45.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	3.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	3.795.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	12.795.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia Xanh - Sạch - Đẹp	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>5.511.763.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	5.244.163.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	188.200.000
- Chi nâng lương cho viên chức	23.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	18.400.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	38.000.000

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



**PHỤ LỤC**

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trường Trung học cơ sở Hải Phương**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1002589

**Chương: 822**

**Khoản 073**

Đvt: đồng

<b>NỘI DUNG</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>364.770.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>364.770.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>364.770.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	145.908.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	218.862.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>7.255.493.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>115.080.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	45.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	3.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	4.620.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia	50.000.000
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>6.803.088.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	6.387.888.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	330.400.000
- Chi nâng lương cho viên chức	26.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	20.800.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	38.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>337.325.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (***tăng cấp thêm, giảm thì thu lại***):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác

**PHỤ LỤC**  
**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trường Trung học cơ sở Hải Trung**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1010096

**Chương: 822**

**Khoản 073**

Đvt: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>487.620.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>487.620.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>487.620.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	195.048.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	292.572.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>9.234.904.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>116.070.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	45.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THPT	3.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	5.610.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	50.000.000
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>8.687.693.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	8.380.493.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	209.800.000
- Chi nâng lương cho viên chức	33.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	26.400.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	38.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>431.141.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (**tăng cấp thêm, giảm thì thu lại**):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



**PHỤ LỤC**

**GIAO DƯ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trường Trung học cơ sở Yên Định**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1002593

**Chương: 822**

**Khoản 073**

Đvt: đồng

<b>NỘI DUNG</b>	<b>SỐ TIỀN</b>
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>199.710.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>199.710.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>199.710.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	79.884.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	119.826.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>4.808.427.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>113.760.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	45.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	3.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	3.300.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia Xanh - Sạch - Đẹp	50.000.000
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>4.477.834.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	4.222.834.000
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	184.600.000
- Chi nâng lương cho viên chức	18.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	14.400.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	38.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>216.833.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (*tăng cấp thêm, giảm thì thu lại*):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác

**PHỤ LỤC**  
**GAO DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trường Trung học cơ sở Hải Hậu**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1002487

**Chương: 822**

**Khoản 073**

Đvt: đồng

NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>I. TỔNG SỐ THU - CHI HỌC PHÍ</b>	<b>342.090.000</b>
<b>1. Số thu học phí</b>	<b>342.090.000</b>
<b>2. Số chi học phí</b>	<b>342.090.000</b>
- Chi tạo nguồn cải cách tiền lương (40%)	136.836.000
- Chi thường xuyên tại đơn vị (60%)	205.254.000
<b>II. DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAO 2025</b>	<b>7.662.374.000</b>
<b>1. Kinh phí không thực hiện tự chủ (Nguồn 12)</b>	<b>68.310.000</b>
- Chi mua sắm, sửa chữa nhỏ thường xuyên tài sản, trang thiết bị, công cụ, dụng cụ ...	45.000.000
- Chi mua phần mềm cơ sở ngành, phần mềm xét tốt nghiệp THCS	3.500.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý công chức, viên chức	4.785.000
- Chi mua phần mềm Misa Online và quản lý tài sản Misa	8.000.000
- Chi mua phần mềm dịch vụ quản lý văn bản điều hành	3.960.000
- Chi miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập	3.065.000
- Chi kinh phí thực hiện học bạ số cấp tiểu học	
- Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất	
- Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia Xanh - Sạch - Đẹp	
<b>2. Kinh phí thực hiện tự chủ (Nguồn 13)</b>	<b>7.274.294.000</b>
- Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng	5.972.047.296
- Chi cho các hoạt động thường xuyên	1.215.646.704
- Chi nâng lương cho viên chức	27.000.000
- Chi khen thưởng theo Luật thi đua khen thưởng	21.600.000
- Chi tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi .... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên)	38.000.000
<b>3. Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng (Nguồn 18)</b>	<b>319.770.000</b>

## **Ghi chú:**

1. Chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp, tiền công hợp đồng: Dự toán phân bổ chi ngân sách đảm bảo tính đủ lương và các khoản đóng góp theo mức lương cơ sở 2.340.000 đồng, các khoản phụ cấp theo quy định, tiền công lao động hợp chuyên môn nghiệp vụ và hợp đồng hỗ trợ phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP theo đăng ký quỹ tiền lương, tiền công thời điểm 01/12/2024.
2. Chi các hoạt động thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ như: chi phục vụ hoạt động chuyên môn nghiệp vụ; chi phục vụ hoạt động của đơn vị như tiền điện, internet ...; chi công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mua sắm tài sản, trang thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ, sửa chữa nhỏ tài sản, phần mềm, chuyển đổi số; chi xây dựng xã hội học tập, tổng kiểm kê tài sản công; chi phụ cấp tăng giờ do nghỉ lễ, ốm, đi học, họp ...; chi phụ cấp đứng lớp cho giáo viên dạy trẻ khuyết tật; chi công tác phí ... Các đơn vị phải sử dụng dự toán được giao trên cơ sở định mức, chế độ theo quy định hiện hành, sắp xếp nhu cầu chi để thực hiện nhiệm vụ.
3. Chi hỗ trợ mô hình giáo dục thể chất về khu sân chơi, thể thao đáp ứng tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu trong lĩnh vực giáo dục: để làm sân bóng mini, đường chạy, sân chơi vận động thể chất, mua sắm bộ dụng cụ thể dục thể thao, vận động thể chất ...
4. Chi hỗ trợ xây dựng trường chuẩn quốc gia: chi mua sắm tài sản, công cụ dụng cụ, sửa chữa nhỏ tài sản ... để hoàn thiện các tiêu chí chuẩn quốc gia.
5. Các khoản sẽ được điều chỉnh dự toán trong năm (***tăng cấp thêm, giảm thì thu lại***):
  - Tăng, giảm biên chế trong năm 2025 và các chế độ tiền lương thay đổi theo quy định của nhà nước
  - Kinh phí khen thưởng thi đua năm 2025 theo Luật thi đua khen thưởng (theo các quyết định của các cấp có thẩm quyền).
  - Kinh phí nâng bậc lương, phụ cấp cho viên chức trong năm 2025.
  - Kinh phí tập luyện bồi dưỡng, đi thi các cuộc thi, hội thi, kỳ thi ... dành cho giáo viên và học sinh (từ cấp tỉnh trở lên) trong năm 2025.
6. Quỹ tiền thưởng: Các đơn vị xây dựng quy chế tiền thưởng, thực hiện theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.
7. Khoản thu học phí đối với các trường Mầm non, THCS (Không thuộc danh mục phí, lệ phí theo quy định của Luật phí và lệ phí), không là chỉ tiêu giao dự toán thu, chi NSNN 2025. Đơn vị thực hiện trích tối thiểu 40% nguồn thu để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, không được dùng kinh phí này vào việc khác



**PHỤ LỤC**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Hải Hậu**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1152730

**Chương: 820**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
1	<b>Hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội (Loại 340 - Khoản 361)</b>	<b>3.267.669.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	1.092.995.000
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	2.096.078.000
	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng (nguồn 18)	78.596.000
2	<b>Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (Loại 340 - Khoản 362)</b>	<b>282.512.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	282.512.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>3.550.181.000</b>

**PHỤ LỤC**  
**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

(theo hình thức bằng Lệnh chi tiền)

**ĐƠN VỊ: Văn phòng Đảng uỷ xã Hải Hậu**

Chi theo hình thức Lệnh chi tiền

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1152729

**Chương: 819**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
	<b>Tổng chi ngân sách chi thường xuyên không giao tự chủ</b>	<b>5.003.174.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi quản lý hành chính (Loại 340-Khoản 351)</b>	<b>3.701.174.000</b>
1	Kinh phí chi lương, chi nghiệp vụ thường xuyên của Văn phòng Đảng uỷ và các Ban của Đảng	3.493.400.000
2	Chi điều hành chung	207.774.000
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp Đào tạo (Loại 070 - Khoản 085)</b>	<b>1.302.000.000</b>
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.003.174.000</b>



**PHỤ LỤC**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Hải Hậu**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1152733

**Chương: 830**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>1</b>	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể (Loại 340)</b>	<b>18.861.073.400</b>
<b>1.1</b>	<b>Quản lý nhà nước (Khoản 341)</b>	<b>12.351.939.036</b>
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	1.440.878.000
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	10.809.721.036
	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng (nguồn 18)	101.340.000
<b>1.2</b>	<b>Hoạt động của Đảng Cộng sản Việt Nam (Khoản 351)</b>	<b>2.941.911.286</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	2.941.911.286
<b>1.3</b>	<b>Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội (Khoản 361)</b>	<b>3.419.043.078</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	3.419.043.078
<b>1.4</b>	<b>Hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (Khoản 362)</b>	<b>148.180.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	148.180.000
<b>2</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và dạy nghề (Loại 070)</b>	<b>189.004.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	<b>189.004.000</b>
-	Sự nghiệp Giáo dục Mầm non (Khoản 071)	71.634.000
-	Sự nghiệp Giáo dục Tiểu học (Khoản 072)	65.657.000
-	Sự nghiệp Giáo dục Trung học cơ sở (Khoản 073)	22.673.000
-	Sự nghiệp Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Khoản 075)	19.040.000
-	Sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ (Khoản 085)	10.000.000
<b>3</b>	<b>Chi Quốc phòng (Loại 010 - Khoản 011)</b>	<b>772.900.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	772.900.000
<b>4</b>	<b>Chi An ninh và trật tự an toàn xã hội (Loại 040 - Khoản 041)</b>	<b>3.096.400.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	3.096.400.000
<b>5</b>	<b>Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình (Loại 130)</b>	<b>122.260.400</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	<b>122.260.400</b>
-	Khám bệnh, chữa bệnh (Khoản 132)	14.998.000
-	Hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách (Khoản 133)	11.372.400
-	Sự nghiệp Dân số (Khoản 151)	95.890.000

<b>6</b>	<b>Sự nghiệp văn hoá (Loại 160 - Khoản 161)</b>	<b>413.791.056</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	413.791.056
<b>7</b>	<b>Sự nghiệp phát thanh (Loại 190 - Khoản 191)</b>	<b>149.298.200</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	149.298.200
<b>8</b>	<b>Sự nghiệp thể dục thể thao (Loại 220 - Khoản 221)</b>	<b>169.750.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	169.750.000
<b>9</b>	<b>Sự nghiệp Xử lý chất thải rắn (Loại 250 - Khoản 261)</b>	<b>298.355.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	298.355.000
<b>10</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác (Loại 280)</b>	<b>9.199.882.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	<b>9.199.882.000</b>
-	Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp (Khoản 281)	323.348.000
-	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi (Khoản 283)	43.135.000
-	Giao thông đường bộ (Khoản 292)	261.239.000
-	Kiến thiết thị chính (Khoản 312)	8.510.000.000
-	Các hoạt động điều tra, thăm dò, khảo sát, tư vấn, quy hoạch trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhân văn (Khoản 332)	62.160.000
<b>11</b>	<b>Sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370)</b>	<b>1.093.664.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	<b>1.093.664.000</b>
-	Chính sách hoạt động phục vụ người có công với cách mạng (Khoản 371)	304.664.000
-	Lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội (Khoản 374)	654.500.000
-	Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác (Khoản 398)	134.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>34.366.378.056</b>



**PHỤ LỤC**

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Phòng Kinh tế xã Hải Hậu**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1152734

**Chương: 831**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>1</b>	<b>Quản lý nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>	<b>1.057.389.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	982.583.000
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	
	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng (nguồn 18)	74.806.000
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp đào tạo (Loại 070 - Khoản 085)</b>	<b>74.400.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	74.400.000
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp Xử lý chất thải rắn (Loại 250 - Khoản 261)</b>	<b>175.845.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	175.845.000
<b>4</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác (Loại 280)</b>	<b>457.818.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	<b>457.818.000</b>
-	Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp (Khoản 281)	267.452.000
-	Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi (Khoản 283)	61.565.000
-	Giao thông đường bộ (Khoản 292)	128.801.000
-	Kiến thiết thị chính (Khoản 312)	
-	Các hoạt động điều tra, thăm dò, khảo sát, tư vấn, quy hoạch trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, nhân văn (Khoản 332)	
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>1.765.452.000</b>



**PHỤ LỤC**

**ĐƯ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Phòng Văn hoá - Xã hội xã Hải Hậu**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1152732

**Chương: 832**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>1</b>	<b>Quản lý nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>	<b>1.434.621.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	1.070.683.000
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	264.984.000
	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng (nguồn 18)	98.954.000
<b>2</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và dạy nghề (Loại 070)</b>	<b>211.596.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	211.596.000
-	Sự nghiệp Giáo dục Mầm non (Khoản 071)	29.166.000
-	Sự nghiệp Giáo dục Tiểu học (Khoản 072)	26.343.000
-	Sự nghiệp Giáo dục Trung học cơ sở (Khoản 073)	73.027.000
-	Sự nghiệp Giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên (Khoản 075)	73.060.000
-	Sự nghiệp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ (Khoản 085)	10.000.000
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình (Loại 130)</b>	<b>69.919.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	69.919.000
-	Hỗ trợ kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng chính sách (Khoản 133)	11.372.000
-	Sự nghiệp Dân số (Khoản 151)	58.547.000
<b>4</b>	<b>Sự nghiệp văn hoá (Loại 160 - Khoản 161)</b>	<b>146.208.944</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	146.208.944
<b>5</b>	<b>Sự nghiệp phát thanh (Loại 190 - Khoản 191)</b>	<b>87.802.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	87.802.000
<b>6</b>	<b>Sự nghiệp thể dục thể thao (Loại 220 - Khoản 221)</b>	<b>112.150.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	112.150.000
<b>7</b>	<b>Sự nghiệp đảm bảo xã hội (Loại 370)</b>	<b>4.171.636.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	4.171.636.000
-	Chính sách hoạt động phục vụ người có công với cách mạng (Khoản 371)	163.800.000
-	Lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội (Khoản 374)	654.500.000
-	Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác (Khoản 398)	3.353.336.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.233.932.944</b>

**PHỤ LỤC**  
**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025**

**ĐƠN VỊ: Trung tâm phục vụ hành chính công xã Hải Hậu**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1152731

**Chương: 833**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>1</b>	<b>Quản lý nhà nước (Loại 340 - Khoản 341)</b>	<b>768.882.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	689.360.000
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	
	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng (nguồn 18)	79.522.000
<b>2</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và dạy nghề (Loại 070 - Khoản 085)</b>	<b>10.000.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	10.000.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>778.882.000</b>



## PHỤ LỤC

### DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

**ĐƠN VỊ: Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao Hải Hậu**

(Kèm theo Quyết định số 911/QĐ-UBND ngày 20/08/2025 của UBND xã Hải Hậu)

Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1051480

**Chương: 821**

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp Văn hóa - Thông tin (Loại 160 - Khoản 161)</b>	<b>2.200.292.900</b>
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	1.260.390.900
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	866.669.000
	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng (nguồn 18)	73.233.000
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp Thể dục - Thể thao (Loại 220 - Khoản 221)</b>	<b>882.118.000</b>
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	418.365.000
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	441.345.000
	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng (nguồn 18)	22.408.000
<b>3</b>	<b>Sự nghiệp Phát thanh (Loại 190 - Khoản 191)</b>	<b>1.975.589.100</b>
	Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	1.514.170.000
	Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	369.906.100
	<i>Trong đó: Cột thu phát sóng</i>	<i>100.000.000</i>
	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng (nguồn 18)	91.513.000
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.058.000.000</b>